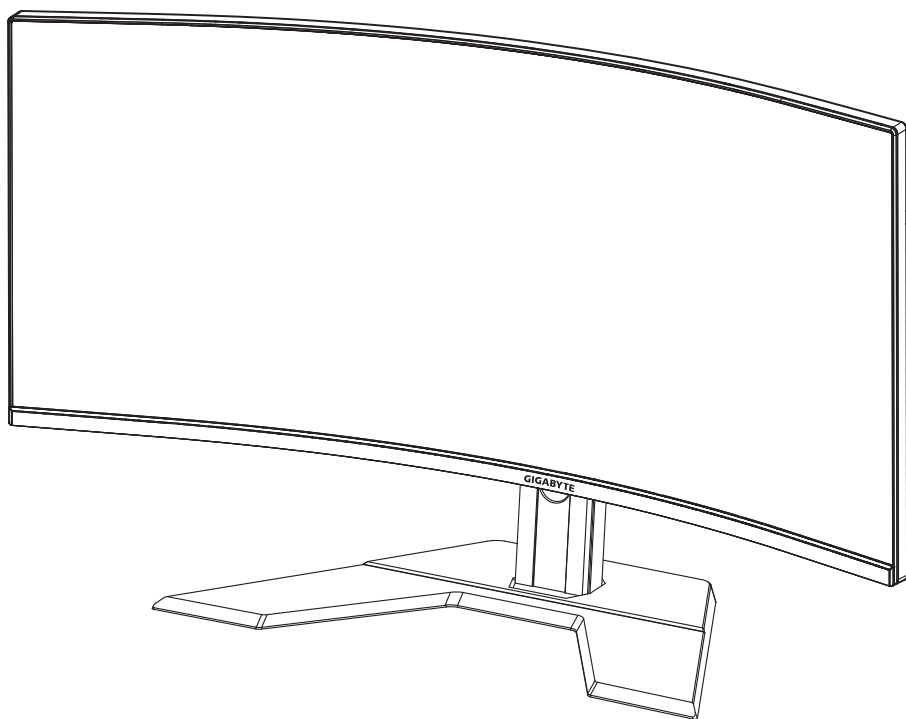


GIGABYTE™



G34WQC-H

— G R M I N G M O N I T O R —

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

34
3448 X 1440
— W Q H D C U R V E —
86.4cm

HDMI™
HIGH-DEFINITION MULTIMEDIA INTERFACE

Bản quyền

© 2020 GIGA-BYTE TECHNOLOGY CO., LTD. Bảo lưu mọi quyền.

Các thương hiệu được đề cập trong hướng dẫn sử dụng này đã được đăng ký hợp pháp cho chủ sở hữu tương ứng của chúng.

Miễn trừ trách nhiệm

Thông tin trong hướng dẫn sử dụng này được luật bản quyền bảo vệ và là tài sản của GIGABYTE.

GIGABYTE có quyền thay đổi các thông số và tính năng trong hướng dẫn sử dụng này mà không cần thông báo trước.

Không được phép mô phỏng, sao chép, dịch thuật, truyền tải hoặc công bố hướng dẫn sử dụng này dưới bất kỳ dạng thức nào hoặc bằng bất kỳ phương thức nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của GIGABYTE.

- Để hỗ trợ sử dụng màn hình này, vui lòng đọc kỹ Hướng dẫn Sử dụng.
- Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web của chúng tôi tại: <https://www.gigabyte.com>

SAFETY INFORMATION

Regulatory Notices

United States of America, Federal Communications Commission Statement

Supplier's Declaration of Conformity
47 CFR § 2.1077 Compliance Information

Product Name: LCD monitor
Trade Name: GIGABYTE
Model Number: G34WQC A

Responsible Party – U.S. Contact Information: G.B.T. Inc.
Address: 17358 Railroad street, City Of Industry, CA91748
Tel.: 1-626-854-9338
Internet contact information: <https://www.gigabyte.com>

FCC Compliance Statement:

This device complies with Part 15 of the FCC Rules, Subpart B, Unintentional Radiators.

Operation is subject to the following two conditions: (1) This device may not cause harmful interference, and (2) this device must accept any interference received, including interference that may cause undesired operation.

This equipment has been tested and found to comply with the limits for a Class B digital device, pursuant to Part 15 of the FCC Rules. These limits are designed to provide reasonable protection against harmful interference in a residential installation. This equipment generates, uses and can radiate radio frequency energy and, if not installed and used in accordance with manufacturer's instructions, may cause harmful interference to radio communications. However, there is no guarantee that interference will not occur in a particular installation. If this equipment does cause harmful interference to radio or television reception, which can be determined by turning the equipment off and on, the user is encouraged to try to correct the interference by one or more of the following measures:

- Reorient or relocate the receiving antenna.
- Increase the separation between the equipment and receiver.

- Connect the equipment to an outlet on a circuit different from that to which the receiver is connected.
- Consult the dealer or an experienced radio/TV technician for help.

Canadian Department of Communications Statement

This digital apparatus does not exceed the Class B limits for radio noise emissions from digital apparatus set out in the Radio Interference Regulations of the Canadian Department of Communications. This class B digital apparatus complies with Canadian ICES-003.

Avis de conformité à la réglementation d'Industrie Canada

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

European Union (EU) CE Declaration of Conformity

This device complies with the following directives: Electromagnetic Compatibility Directive 2014/30/EU, Low-voltage Directive 2014/35/EU, ErP Directive 2009/125/EC, RoHS directive (recast) 2011/65/EU & the 2015/863 Statement. This product has been tested and found to comply with all essential requirements of the Directives.

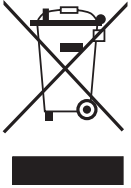
European Union (EU) RoHS (recast) Directive 2011/65/EU & the European Commission Delegated Directive (EU) 2015/863 Statement

GIGABYTE products have not intended to add and safe from hazardous substances (Cd, Pb, Hg, Cr⁺⁶, PBDE, PBB, DEHP, BBP, DBP and DIBP). The parts and components have been carefully selected to meet RoHS requirement. Moreover, we at GIGABYTE are continuing our efforts to develop products that do not use internationally banned toxic chemicals.

European Union (EU) Community Waste Electrical & Electronic Equipment (WEEE) Directive Statement

GIGABYTE will fulfill the national laws as interpreted from the 2012/19/EU WEEE (Waste Electrical and Electronic Equipment) (recast) directive. The WEEE Directive specifies the treatment, collection, recycling and disposal of electric and electronic devices and their components. Under the Directive, used equipment must be marked, collected separately, and disposed of properly.

WEEE Symbol Statement



The symbol shown below is on the product or on its packaging, which indicates that this product must not be disposed of with other waste. Instead, the device should be taken to the waste collection centers for activation of the treatment, collection, recycling and disposal procedure.

For more information about where you can drop off your waste equipment for recycling, please contact your local government office, your household waste disposal service or where you purchased the product for details of environmentally safe recycling.

End of Life Directives-Recycling



The symbol shown below is on the product or on its packaging, which indicates that this product must not be disposed of with other waste. Instead, the device should be taken to the waste collection centers for activation of the treatment, collection, recycling and disposal procedure.

Déclaration de Conformité aux Directives de l'Union européenne (UE)

Cet appareil portant la marque CE est conforme aux directives de l'UE suivantes: directive Compatibilité Electromagnétique 2014/30/UE, directive Basse Tension 2014/35/UE, directive 2009/125/CE en matière d'éco-conception, la directive RoHS II 2011/65/UE & la déclaration 2015/863.

La conformité à ces directives est évaluée sur la base des normes européennes harmonisées applicables.

European Union (EU) CE-Konformitätserklärung

Dieses Produkte mit CE-Kennzeichnung erfüllen folgenden EURichtlinien:

EMV-Richtlinie 2014/30/EU, Niederspannungsrichtlinie 2014/30/EU, Ökodesign-Richtlinie 2009/125/EC, RoHS-Richtlinie 2011/65/EU erfüllt und die 2015/863 Erklärung.

Die Konformität mit diesen Richtlinien wird unter Verwendung der entsprechenden Standards zur Europäischen Normierung beurteilt.

CE declaração de conformidade

Este produto com a marcação CE estão em conformidade com das seguintes Diretivas UE: Diretiva Baixa Tensão 2014/35/EU; Diretiva CEM 2014/30/EU; Diretiva Conceção Ecológica 2009/125/CE; Diretiva RSP 2011/65/UE e a declaração 2015/863.

A conformidade com estas diretivas é verificada utilizando as normas europeias harmonizadas.

CE Declaración de conformidad

Este producto que llevan la marca CE cumplen con las siguientes Directivas de la Unión Europea: Directiva EMC (2014/30/EU), Directiva de bajo voltaje (2014/35/EU), Directiva de Ecodiseño (2009/125/EC), Directiva RoHS (recast) (2011/65/EU) y la Declaración 2015/863.

El cumplimiento de estas directivas se evalúa mediante las normas europeas armonizadas.

Japan Class 01 Equipment Statement

安全にご使用いただくために

接地接続は必ず電源プラグを電源につなぐ前に行ってください。

また、接地接続を外す場合は、必ず電源プラグを電源から切り離してから行って下さい。

Japan VCCI Class B Statement

クラス B VCCI 基準について

この装置は、クラス B 情報技術装置です。この装置は、家庭環境で使用することを目的としていますが、この装置がラジオやテレビジョン受信機に近接して使用されると、受信障害を引き起こすことがあります。取扱説明書に従って正しい取り扱いをして下さい。

VCCI-B

China RoHS Compliance Statement

中国《废弃电器电子产品回收处理管理条例》提示性说明
为了更好地关爱及保护地球，当用户不再需要此产品或产品寿命终止时，请遵守国家废弃电器电子产品回收处理相关法律法规，将其交给当地具有国家认可的回收处理资质的厂商进行回收处理。

环保使用期限

Environment-friendly Use Period



此标识指期限（十年），电子电气产品中含有的有害物质不会发生外泄或突变、电子电气产品用户正常使用该电子电气产品不会对环境造成严重污染或对其人身、财产造成严重损害的期限。

产品中有害物质的名称及含量：

部件名称	有害物质					
	铅 (Pb)	汞 (Hg)	镉 (Cd)	六价铬 (Cr ⁺⁶)	多溴联苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
印刷电路板及其电子组件	X	○	○	○	○	○
液晶面板	X	○	○	○	○	○
外壳	○	○	○	○	○	○
外部信号接头及线材	X	○	○	○	○	○

本表格依据 SJ/T 11364 的规定编制。
○：表示该有害物质在该部件所有均质材料中的含量均在 GB/T 26572 规定的限量要求以下。
X：表示该有害物质至少在该部件的某一均质材料中的含量超出 GB/T 26572 规定的限量要求。



HDMI HDMI 高清晰度多媒体接口以及 HDMI 标志是 HDMI Licensing Administrator, Inc. 在美国和其他国家的商标或注册商标。

限用物質含有情況標示聲明書

Declaration of the Presence Condition of the Restricted Substances Marking

設備名稱：液晶顯示器， 型號(型式)： G34WQC A Equipment name Type designation (Type)						
單元 Unit	限用物質及其化學符號 Restricted substances and its chemical symbols					
	鉛 Lead (Pb)	汞 Mer- cury (Hg)	鎘 Cadmium (Cd)	六價鉻 Hexava- lent chromium (Cr ⁺⁶)	多溴聯苯 Poly- brominated biphenyls (PBB)	多溴二苯醚 Polybrominat- ed diphenylethers (PBDE)
塑料外框	○	○	○	○	○	○
後殼	○	○	○	○	○	○
液晶面板	—	○	○	○	○	○
電路板組件	—	○	○	○	○	○
底座	○	○	○	○	○	○
電源線	—	○	○	○	○	○
其他線材	—	○	○	○	○	○
<p>備考 1. “超出 0.1 wt %” 及 “超出 0.01 wt %” 係指限用物質之百分比含量超出百分比含量基準值。</p> <p>Note 1: “Exceeding 0.1 wt %” and “exceeding 0.01 wt %” indicate that the percentage content of the restricted substance exceeds the reference percentage value of presence condition .</p> <p>備考 2. “○” 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。</p> <p>Note 2: “○” indicates that the percentage content of the restricted substance does not exceed the percentage of reference value of presence .</p> <p>備考 3. “—” 係指該項限用物質為排除項目。</p> <p>Note 3: “—” indicates that the restricted substance corresponds to the exemption</p>						

Khuyến cáo An toàn

Vui lòng đọc Khuyến cáo An toàn dưới đây trước khi sử dụng màn hình.

- Chỉ sử dụng các phụ kiện được cung cấp kèm theo màn hình hoặc những phụ kiện được nhà sản xuất khuyên dùng.
- Để túi bao bì nhựa của sản phẩm ở nơi tránh xa tầm tay trẻ em.
- Trước khi kết nối màn hình với ổ điện, phải đảm bảo rằng định mức điện áp của cáp nguồn tương thích với thông số kỹ thuật nguồn điện ở quốc gia của bạn.
- Phích cắm dây nguồn phải kết nối với ổ cắm điện được đi dây và nối đất đúng cách.
- Không dùng tay ướt để chạm vào ổ cắm vì có thể dễ dàng gây điện giật.
- Đặt màn hình ở vị trí vững chãi và thông thoáng.
- Không đặt màn hình gần bất kỳ nguồn nhiệt nào như lò sưởi chạy điện hoặc ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Các lỗ hoặc khe hở trên màn hình có chức năng thông gió. Không che hoặc chặn các lỗ thông gió bằng bất kỳ vật thể nào.
- Không sử dụng màn hình ở gần nước, đồ uống hoặc tất cả các loại chất lỏng. Nếu không, có thể gây điện giật hoặc hư hỏng màn hình.
- Đảm bảo rút phích cắm màn hình khỏi ổ cắm điện trước khi vệ sinh.
- Tránh dùng bất kỳ vật cứng hoặc sắc nhọn nào để chạm vào bề mặt màn hình do bề mặt màn hình rất dễ bị trầy xước.
- Sử dụng một miếng vải mềm không có bụi xơ thay vì khăn giấy để lau màn hình. Bạn có thể dùng chất tẩy kính để vệ sinh màn hình nếu cần. Tuy nhiên, không được xịt chất tẩy rửa trực tiếp lên màn hình.
- Ngắt cáp nguồn nếu không sử dụng màn hình trong một thời gian dài.
- Không cố gắng tự tháo rời hoặc sửa chữa màn hình.

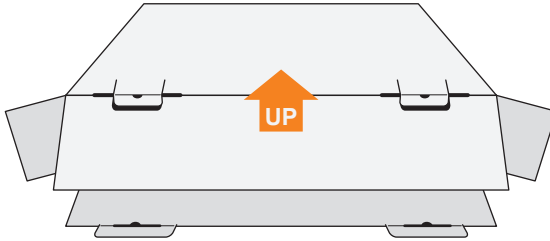
NỘI DUNG

Safety Information.....	3
Regulatory Notices.....	3
Khuyến cáo An toàn.....	9
Gới thiệu	11
Mở bao bì sản phẩm.....	11
Thành phần Gói sản phẩm.....	13
Tổng quan về Sản phẩm	14
Bắt đầu.....	16
Lắp Đế màn hình.....	16
Điều chỉnh Góc xem	17
Lắp giá treo tường (Tùy chọn).....	18
Tiến hành Kết nối.....	19
Sử dụng Thiết bị	20
Bật/Tắt nguồn	20
Khuyến nghị Sử dụng Thoải mái cho Người dùng	21
Chọn Nguồn Đầu vào.....	22
VẬN HÀNH.....	23
Menu Nhanh.....	23
Định cấu hình Thiết lập Thiết bị.....	27
PHỤ LỤC	37
Thông số kỹ thuật.....	37
Danh sách Định thời được Hỗ trợ	38
Xử lý Sự cố	39
Chăm sóc Cơ bản.....	40
Thông tin Dịch vụ GIGABYTE.....	40

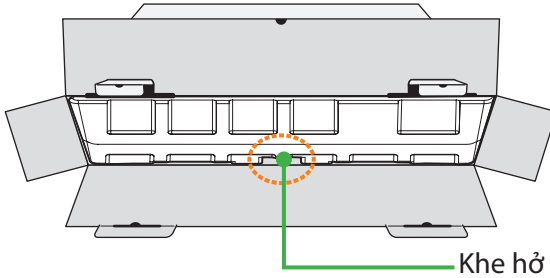
GIỚI THIỆU

Mở bao bì sản phẩm

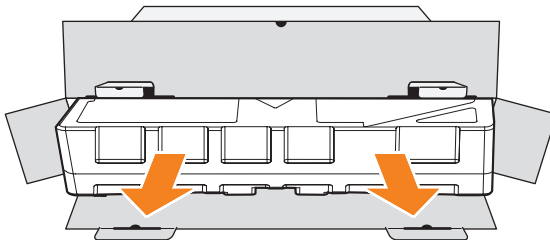
1. Mở nắp trên của hộp bao bì. Sau đó quan sát nhãn hướng dẫn mở bao bì gắn trên nắp bên trong.
2. Đảm bảo rằng hộp nằm đúng hướng, cẩn thận đặt hộp lên bề mặt vững chắc.



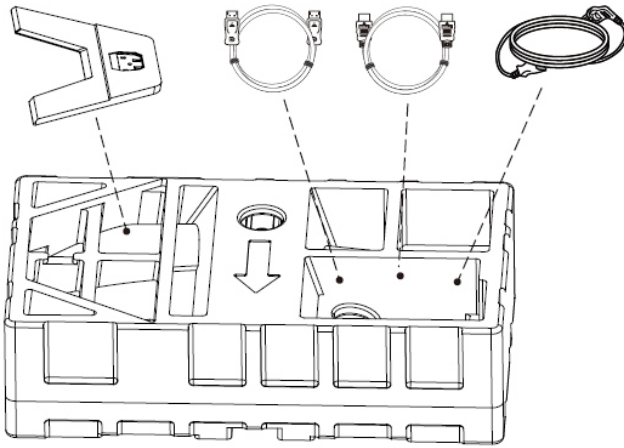
3. Mở nắp bên trong.



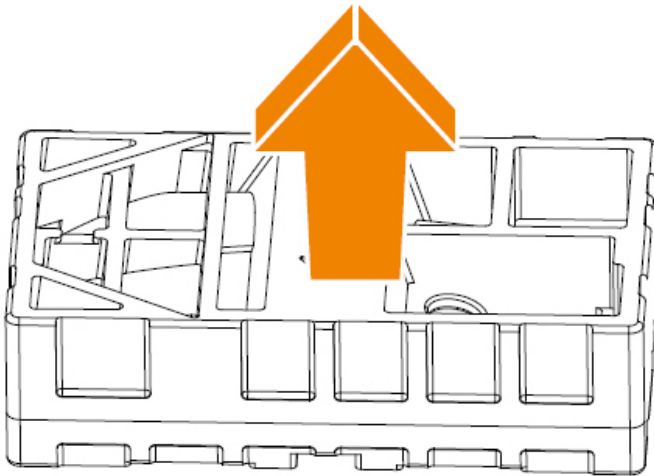
4. Nắm lấy tấm xốp EPS (thông qua các khe hở) để kéo tấm xốp ra khỏi hộp.



5. Tháo các bộ phận ra khỏi tấm xốp EPS phía trên.



6. Nhấc tấm xốp EPS phía trên lên. Sau đó bạn có thể nhấc màn hình ra khỏi tấm xốp EPS phía dưới.

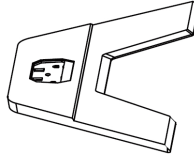


Thành phần Gói sản phẩm

Hộp bao bì sản phẩm có chứa các bộ phận sau. Nếu thiếu bất kỳ bộ phận nào, vui lòng liên hệ với đại lý tại địa phương của bạn.



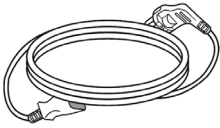
Màn hình



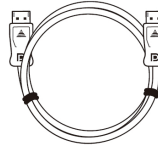
Đế màn hình



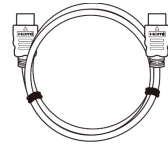
Chân đế



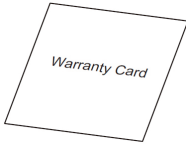
Cáp nguồn



Cáp DP



Cáp HDMI



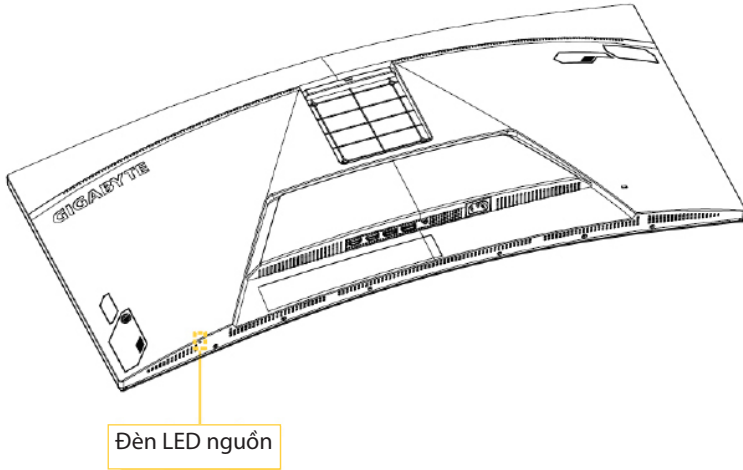
Thẻ bảo hành

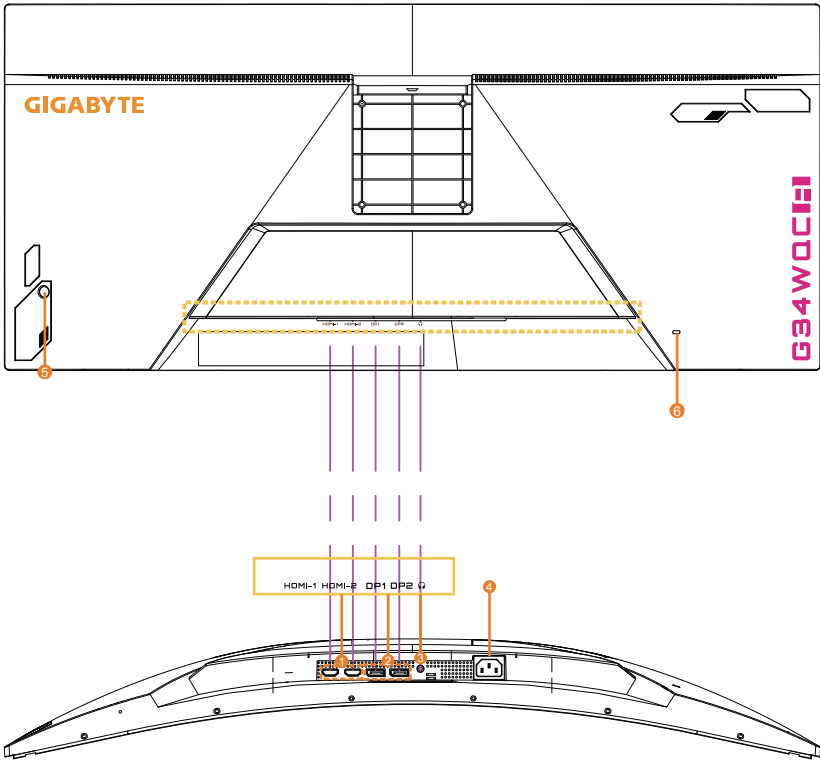


Tờ hướng dẫn khởi
động nhanh

Lưu ý: Vui lòng giữ lại hộp bao bì và vật liệu đóng gói để vận chuyển màn hình trong tương lai.

Tổng quan về Sản phẩm



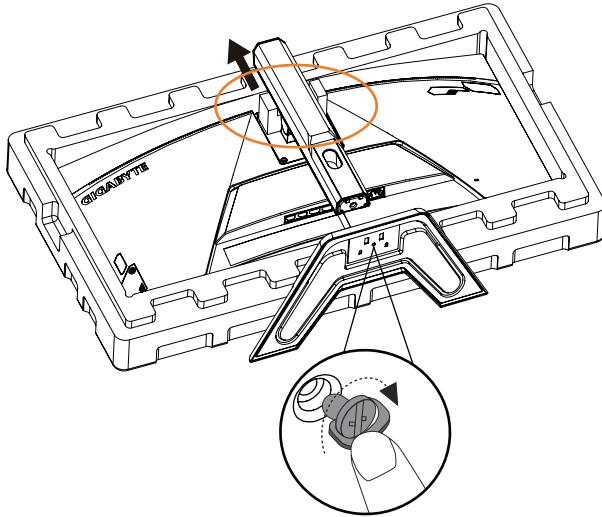


1. Cổng HDMI (x2)
2. Cổng DisplayPort (x2)
3. Giắc cắm tai nghe
4. Giắc cắm AC IN
5. Nút điều khiển
6. Khóa chống trộm Kensington

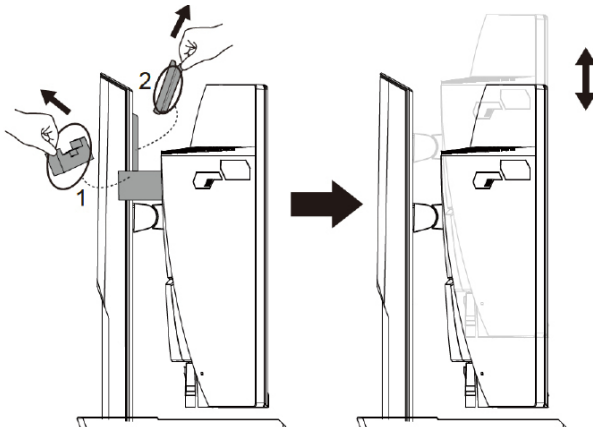
BẮT ĐẦU

Lắp Đế màn hình

1. Đặt màn hình lên tấm xốp EPS phía dưới, mặt màn hình úp xuống.
2. Căn chỉnh để màn hình thẳng với hai chốt dẫn hướng bên dưới chân đế. Sau đó lắp đế vào chân đế.



3. Nâng màn hình lên vị trí thẳng đứng và đặt lên bàn. Có thể điều chỉnh chiều cao màn hình sau khi tháo bộ phận 1 và 2 như minh họa trong hình.

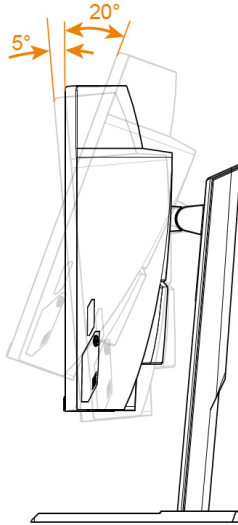


Điều chỉnh Góc xem

Lưu ý: Giữ để màn hình để màn hình không bị lật khi bạn điều chỉnh.

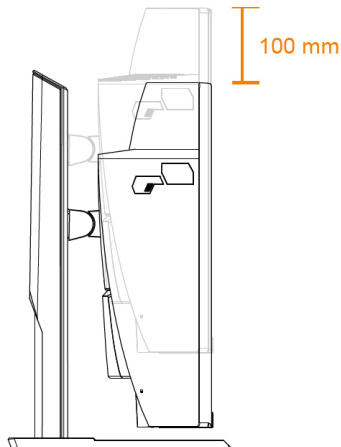
Điều chỉnh góc nghiêng

Nghiêng màn hình về phía trước hoặc phía sau đến góc xem mong muốn (-5° đến 20°).



Điều chỉnh hướng màn hình

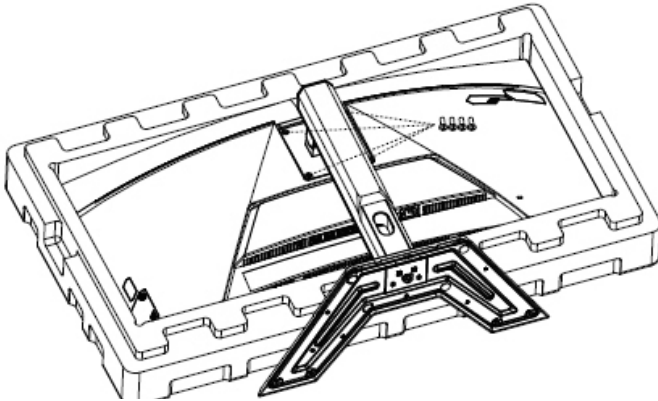
Nâng màn hình lên độ cao tối đa (100 mm).



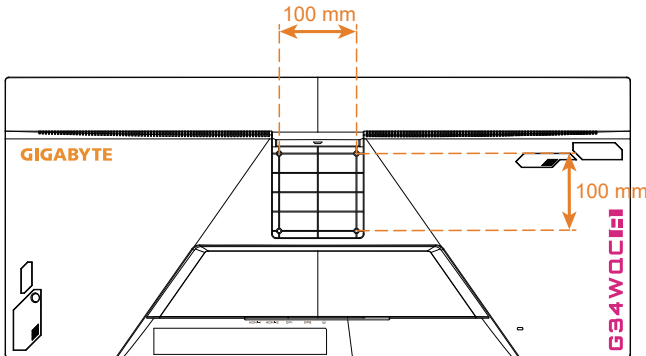
Lắp giá treo tường (Tùy chọn)

Chỉ sử dụng bộ giá treo tường 100 x 100 mm được nhà sản xuất khuyến dùng.

1. Đặt màn hình lên tấm xốp EPS phía dưới, mặt màn hình úp xuống.
2. Đẩy các kẹp khóa vào trong để tháo chân đế khỏi màn hình.



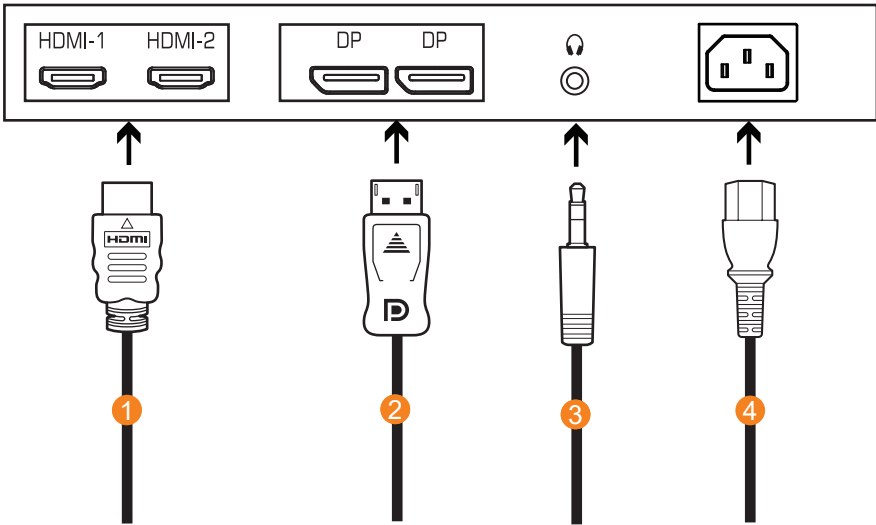
3. Gắn giá treo vào các lỗ gắn lắp ở phía sau màn hình. Sau đó, dùng ốc vít để cố định giá treo.



Lưu ý: Để gắn màn hình lên tường, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt trong bộ giá treo tường.

Có thể gắn phần trên màn hình lên tường, giá đỡ kiểu xoay hoặc các loại giá đỡ khác. Màn hình này hỗ trợ các lỗ gắn vít 100 mm tuân thủ tiêu chuẩn công nghiệp VESA. Để lắp đặt bất kỳ giá đỡ nào của bên thứ ba cho màn hình, cần phải có bốn vít $\varnothing 4$ mm với khoảng cách 0,7 mm và chiều dài 10 mm. Nếu sử dụng bất kỳ loại vít nào dài hơn, màn hình có thể bị hỏng. Kiểm tra xem giá đỡ do nhà sản xuất cung cấp có tuân thủ tiêu chuẩn VESA và có thể hỗ trợ thân màn hình hay không. Hãy sử dụng cáp nguồn và cáp video được gắn kèm theo màn hình để đảm bảo hiệu suất tối ưu.

Tiến hành Kết nối



1 Cáp HDMI

2 Cáp DisplayPort

3 Cáp tai nghe

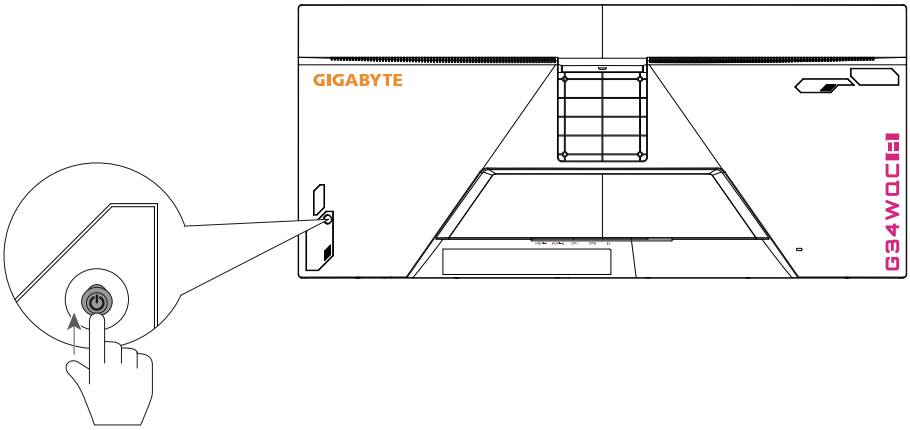
4 Ổ điện

SỬ DỤNG THIẾT BỊ

Bật/Tắt nguồn

Bật nguồn

1. Cắm một đầu cáp nguồn vào ổ cắm điện trên màn hình.
2. Nhấn nút **Control (Điều khiển)** để bật màn hình. Đèn LED nguồn sẽ bật sáng màu trắng, cho biết màn hình đã sẵn sàng để sử dụng.



Lưu ý: Nếu đèn LED nguồn không sáng ngay cả sau khi bật màn hình, hãy kiểm tra cài đặt đèn LED trong menu Settings (Cài đặt) Tham khảo trang 34.

Tắt nguồn

Nhấn nút **Control (Điều khiển)** trong 2 giây để tắt màn hình.

Lưu ý: Khi menu Main (Chính) hiển thị trên màn hình, bạn cũng có thể tắt màn hình bằng cách di chuyển nút **Control (Điều khiển)** xuống (⏮). Tham khảo trang 25.

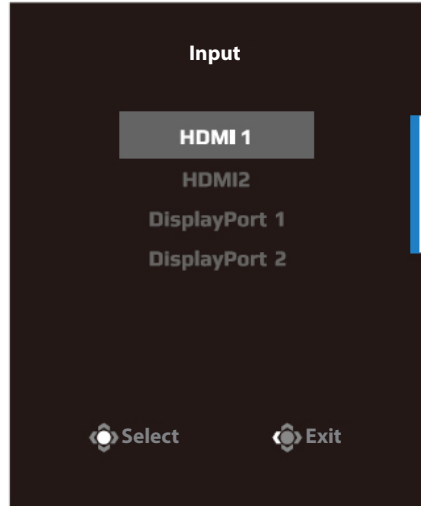
Khuyến nghị Sử dụng Thoải mái cho Người dùng

Sau đây là một số lời khuyên giúp bạn xem màn hình một cách thoải mái:

- Khoảng cách xem màn hình tối ưu là từ khoảng 510 mm đến 760 mm (20" đến 30").
- Theo một hướng dẫn chung, hãy định vị màn hình sao cho đỉnh màn hình bằng hoặc thấp hơn một chút so với tầm mắt của bạn khi bạn ngồi ở vị trí thoải mái.
- Sử dụng ánh sáng đầy đủ cho loại hình công việc bạn đang thực hiện.
- Giải lao đều đặn và thường xuyên (ít nhất trong 10 phút) sau mỗi nửa giờ.
- Đảm bảo rằng bạn thỉnh thoảng rời mắt khỏi màn hình và tập trung nhìn vào một vật ở xa trong vòng tối thiểu 20 giây trong thời gian giải lao.
- Bài tập thể dục cho mắt giúp giảm căng thẳng mắt. Thường xuyên lặp lại các bài tập này: (1) nhìn lên và xuống (2) từ từ đảo mắt (3) di chuyển mắt theo đường chéo.

Chọn Nguồn Đầu vào

1. Di chuyển nút **Control (Điều khiển)** sang phải (↔) để vào menu Input (Đầu vào).
2. Di chuyển nút **Control (Điều khiển)** lên/xuống (↕) để chọn nguồn đầu vào mong muốn. Sau đó bấm nút **Control (Điều khiển)** để xác nhận.



VẬN HÀNH

Menu Nhanh

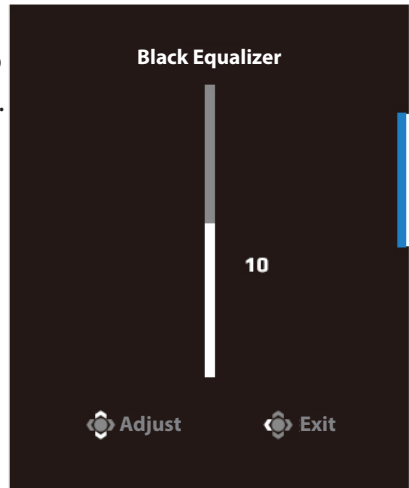
Phím tắt

Theo mặc định, nút **Control (Điều khiển)** được gán một chức năng cụ thể.

Lưu ý: Để thay đổi chức năng của phím tắt đã thiết lập sẵn, hãy tham khảo phần “Quick Switch (Công tắc nhanh)” trên trang 34.

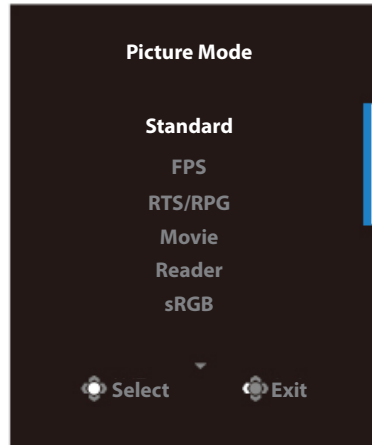
Để truy cập chức năng của phím tắt, hãy thực hiện như sau:

- Di chuyển nút **Control (Điều khiển)** lên trên (↶) để vào menu Black Equalizer (Tăng sáng).
Di chuyển nút **Control (Điều khiển)** lên/xuống (↷) để điều chỉnh thiết lập và bấm nút **Control (Điều khiển)** để xác nhận.



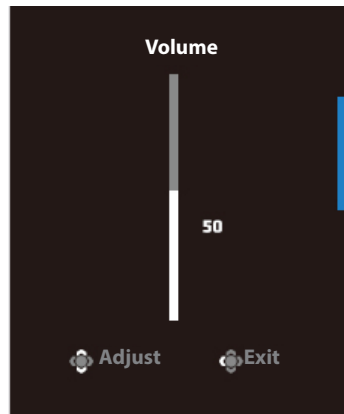
- Di chuyển nút **Control (Điều khiển)** xuống dưới (⏮) để vào menu Picture Mode (Chế độ Ảnh).

Di chuyển nút **Control (Điều khiển)** lên/xuống (⏮) để điều chỉnh thiết lập và bấm nút **Control (Điều khiển)** để xác nhận.



- Di chuyển nút **Control (Điều khiển)** sang trái (⏮) để vào menu Volume (Âm lượng).

Di chuyển nút **Control (Điều khiển)** lên/xuống (⏮) để điều chỉnh thiết lập và bấm nút **Control (Điều khiển)** để xác nhận.

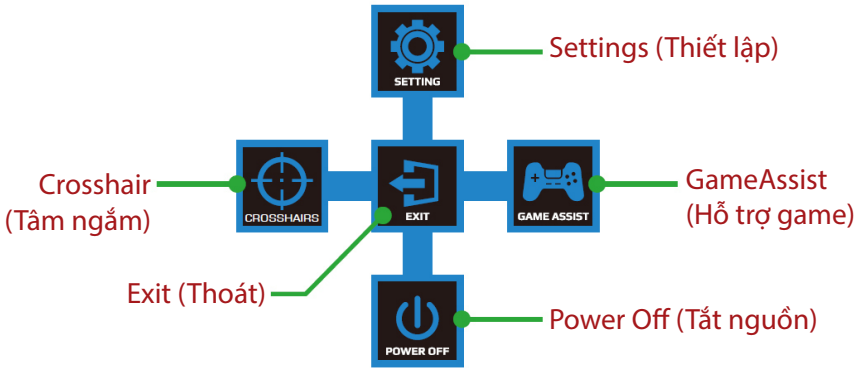


- Di chuyển nút **Control (Điều khiển)** sang phải (⏭) để vào menu Input (Đầu vào). Tham khảo phần “Chọn Nguồn Đầu vào”.

Lưu ý: Để đóng menu, di chuyển nút **Control (Điều khiển)** sang trái (⏮).

Hướng dẫn về các Phím chức năng

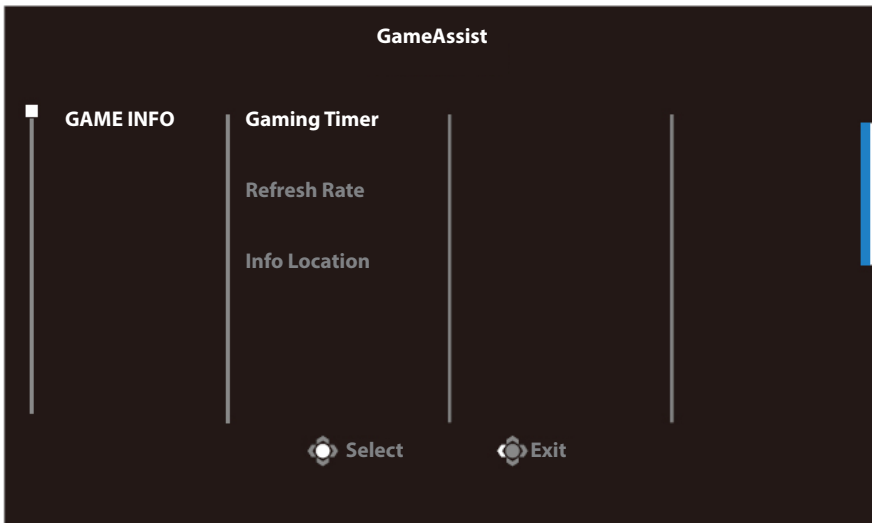
Bấm nút **Control (Điều khiển)** để hiển thị menu Main (Chính).



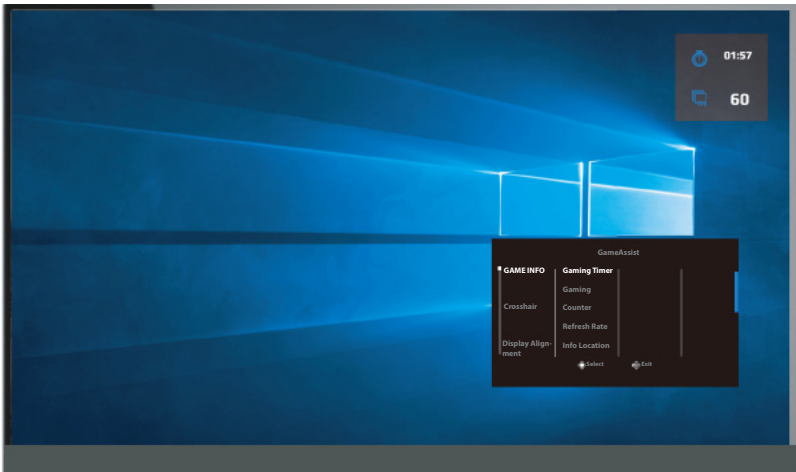
Sau đó sử dụng nút **Control (Điều khiển)** để chọn chức năng mong muốn và cấu hình các thiết lập liên quan.

GameAssist (Hỗ trợ game)

Khi menu Main (Chính) hiển thị trên màn hình, hãy di chuyển nút **Control (Điều khiển)** sang phải (⬆️➡️) để vào menu GameAssist (Hỗ trợ game).



- **Game Info (Th.tin game):** Định cấu hình các thiết lập liên quan đến trò chơi FPS (Bắn súng góc nhìn người thứ nhất).
 - √ Chọn Gaming Timer (Bộ đếm thời gian Trò chơi) để chọn chế độ đồng hồ đếm ngược. Để tắt chức năng này, đặt thiết lập thành OFF (TẮT).
 - √ Chọn Refresh Rate (Tốc độ làm mới) để bật/tắt cài đặt tốc độ làm mới theo thời gian thực.
 - √ Chọn Info Location (Vị trí Thông tin) để chỉ định vị trí của thông tin cần hiển thị trên màn hình.



- **Crosshair (Tâm ngắm):** Chọn loại Tâm ngắm mong muốn cho phù hợp với môi trường chơi game của bạn. Điều này giúp bạn dễ dàng định hướng hơn.

Định cấu hình Thiết lập Thiết bị

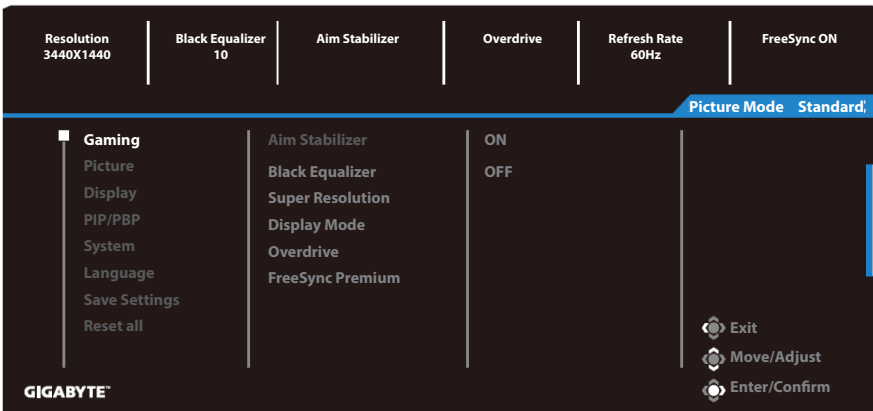
Khi menu Main (Chính) xuất hiện trên màn hình, di chuyển nút **Control (Điều khiển)** lên trên (⬅️) để vào menu Settings (Thiết lập).

Lưu ý: Sử dụng nút **Control (Điều khiển)** để điều hướng trong menu và thực hiện các điều chỉnh.



Chơi game

Định cấu hình các thiết lập liên quan đến trò chơi.

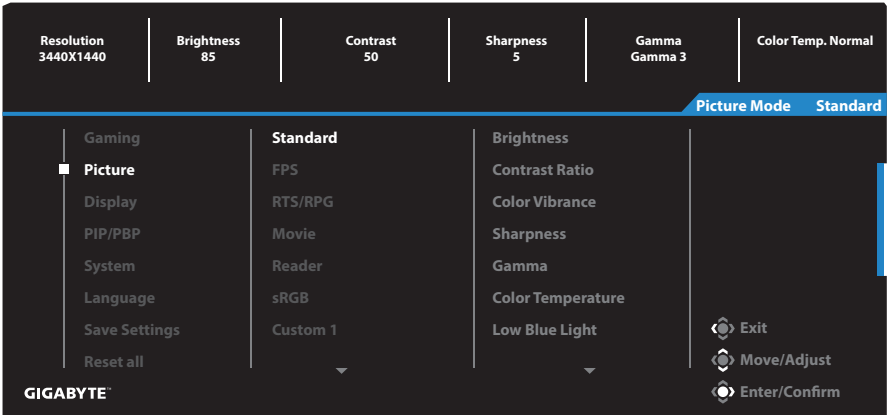


Tính năng	Mô tả
Aim Stabilizer (Giảm mờ Chuyển động)	<p>Khi được bật, tính năng này sẽ giảm độ mờ do chuyển động trong các trò chơi có tốc độ di chuyển nhanh.</p> <p>Lưu ý: Tính năng này không khả dụng trong các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - khi thiết lập tần số thấp hơn 100Hz. - Khi kích hoạt tính năng FreeSync Premium.

Tính năng	Mô tả
Black Equalizer (Tăng sáng)	Điều chỉnh độ sáng của những khu vực tối.
Super Resolution (Siêu phân giải)	Tăng độ sắc nét của các hình ảnh có độ phân giải thấp.
Display Mode (Chế độ Hiển thị)	<p>Chọn tỉ lệ khung hình của màn hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Full (Toàn bộ): Định kích cỡ để hình ảnh đầu vào lấp đầy màn hình. Lý tưởng cho các hình ảnh có tỉ lệ 21:9. • Aspect (Tỉ lệ): Hiển thị hình ảnh đầu vào với mức độ lấp đầy màn hình ở mức lớn nhất có thể mà không gây biến dạng hình học.
Overdrive (Hệ thống tăng tốc)	Cải thiện thời gian phản hồi của màn hình LCD.
FreeSync Premium	<p>Khi được bật, tính năng này sẽ loại bỏ hiện tượng gián đoạn và xé màn hình khi chơi game.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>Tính năng này không khả dụng trong các điều kiện sau: Đặt phiên bản DisplayPort thành 1.1.</p>

Picture (Ảnh)

Định cấu hình các thiết lập liên quan đến hình ảnh.



Chọn một trong các chế độ hình ảnh thiết lập sẵn.

- Standard (Tiêu chuẩn): Để chỉnh sửa tài liệu hoặc duyệt trang web.
- FPS: Để chơi các trò chơi FPS (Bắn súng góc nhìn người thứ nhất).
- RTS/RPG: Để chơi các trò chơi RTS (Chiến thuật thời gian thực) hoặc RPG (Trò chơi nhập vai).
- Movie (Phim): Để xem phim.
- Reader (Bộ đọc): Để xem tài liệu.
- sRGB: Để xem ảnh và đồ họa trên máy tính.
- Custom 1 (Tùy chỉnh 1): Thiết lập chế độ ảnh tùy chỉnh.
- Custom 2 (Tùy chỉnh 2): Thiết lập chế độ ảnh tùy chỉnh.
- Custom 3 (Tùy chỉnh 3): Thiết lập chế độ ảnh tùy chỉnh.

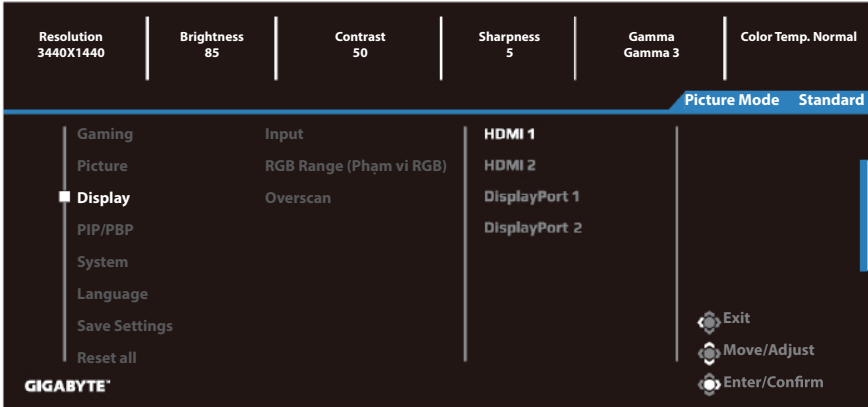
Sau đó, bạn có thể định cấu hình cho các thiết lập hình ảnh sau đây.

Tính năng	Mô tả
Brightness (Độ sáng)	Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.
Contrast (Tương phản)	Điều chỉnh độ tương phản của hình ảnh.
Color Vibrance (Độ rực màu):	Điều chỉnh cường độ của những tông màu lạnh.
Sharpness (Độ sắc nét)	Điều chỉnh độ sắc nét của hình ảnh.

Tính năng	Mô tả
Gamma	Điều chỉnh mức trung bình của độ chói.
Color Temperature (Nhiệt độ Màu)	<p>Chọn nhiệt độ màu.</p> <p>Lưu ý: Chọn User Define (Người dùng Xác định) để tùy chỉnh nhiệt độ màu bằng cách điều chỉnh các mức đỏ (R), xanh lá (G), hoặc xanh lam (B) theo sở thích của bạn.</p>
Low Blue Light (Ánh sáng xanh thấp)	<p>Giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Level 0 (Mức 0): Không đổi. • Level 1~10 (Mức 1~10): Mức càng cao, lượng ánh sáng xanh càng giảm. <p>Lưu ý: Đây là Low Blue Light (Ánh sáng xanh thấp) Mức 10 ở chế độ hình ảnh thường với nhiệt độ màu bình thường. Đây là mức tuân thủ Chứng nhận Ánh sáng xanh thấp TÜV.</p>
Dynamic Contrast (Tương phản động)	Điều chỉnh mức độ tối đen của hình ảnh để thu được độ tương phản tối ưu.
Senseye Demo	<p>Chia đôi màn hình (2 cửa sổ).</p> <p>Hình ảnh của chế độ được chọn với cài đặt mặc định sẽ xuất hiện trên cửa sổ bên phải và hình ảnh được điều chỉnh với cài đặt mới sẽ xuất hiện trên cửa sổ bên trái</p>
Reset Picture (Thiết lập lại Hình ảnh)	Đặt lại toàn bộ thiết lập Picture (Ảnh) thành thiết lập mặc định.

Display (Hiển thị)

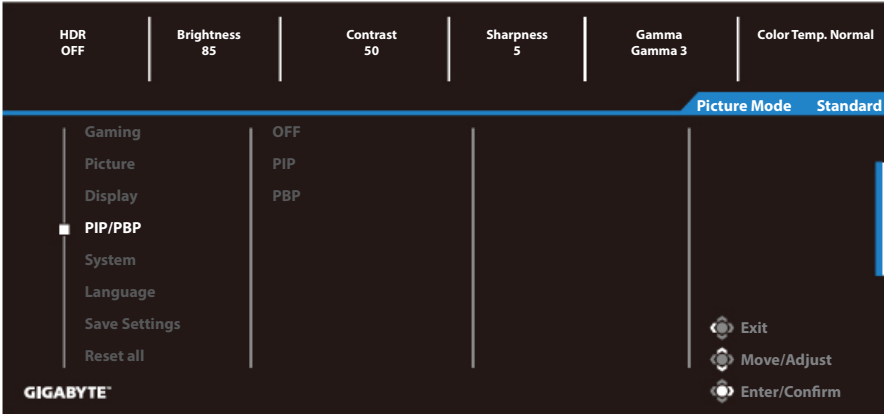
Định cấu hình các thiết lập liên quan đến màn hình hiển thị.



Tính năng	Mô tả
Input (Đầu vào)	Chọn nguồn đầu vào.
RGB Range (Phạm vi RGB)	Chọn một thiết lập phạm vi RGB thích hợp hoặc để màn hình tự động phát hiện. Lưu ý: Tùy chọn này chỉ khả dụng đối với đầu vào HDMI.
Overscan (Quét chống lấn)	Khi được bật, tính năng này sẽ phóng to hình ảnh đầu vào một chút để ẩn các cạnh ngoài cùng của hình ảnh. Lưu ý: Tùy chọn này chỉ khả dụng đối với đầu vào HDMI.

PIP/PBP

Định cấu hình các cài đặt liên quan đến nhiều hình ảnh.

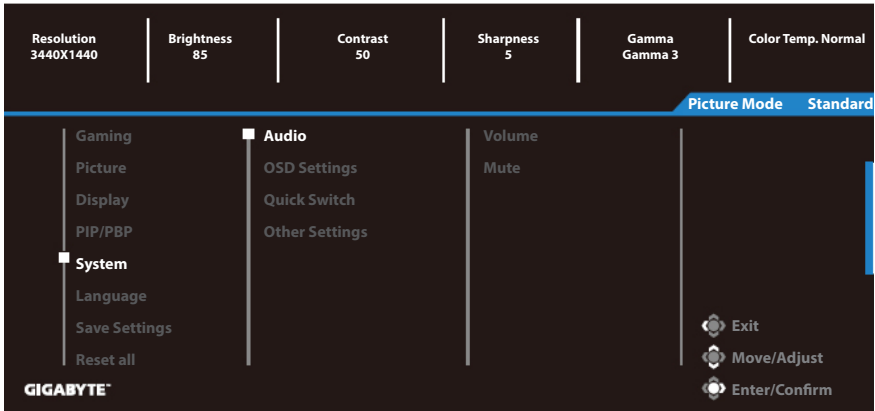


Tính năng	Mô tả
OFF (TẮT)	Tắt chức năng PIP/PBP.
PIP	<p>Chia màn hình thành hai phần (cửa sổ chính và cửa sổ chèn thêm)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Signal source (Nguồn tín hiệu): Thay đổi nguồn đầu vào của cửa sổ chèn thêm. • PIP Size (Kích cỡ PIP): Điều chỉnh kích cỡ cửa sổ chèn thêm. • Position (Vị trí): Di chuyển cửa sổ chèn thêm đến vị trí khác. • Display Switch (Chuyển đổi hiển thị): Chuyển đổi giữa hai cửa sổ. • Audio Switch (Chuyển đổi âm thanh): Chọn nguồn âm thanh mong muốn.
PBP	<p>Hiển thị màn hình phân chia 1x1 (với các cửa sổ bên trái và phải).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Signal source (Nguồn tín hiệu): Thay đổi nguồn đầu vào của cửa sổ bên phải. • PBP Size (Kích cỡ PBP): Điều chỉnh kích cỡ cửa sổ. • Display Switch (Chuyển đổi hiển thị): Chuyển đổi giữa hai cửa sổ. • Audio Switch (Chuyển đổi âm thanh): Chọn nguồn âm thanh mong muốn.

Lưu ý: PIP/PBP không tương thích với các chức năng HDR và FreeSync.

System (Hệ thống)

Định cấu hình các thiết lập liên quan đến hệ thống.



Tính năng	Mô tả
Audio (Âm thanh)	<p>Định cấu hình các cài đặt âm thanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> Volume (Âm lượng): Điều chỉnh mức âm lượng. Mute (Tắt âm): Bật/Tắt chức năng tắt âm.
OSD Settings (Thiết lập OSD)	<p>Định cấu hình các thiết lập liên quan đến menu hiển thị trên màn hình (OSD).</p> <ul style="list-style-type: none"> Display Time (Thời gian hiển thị): Thiết lập thời gian mà menu OSD xuất hiện trên màn hình. OSD Transparency (Độ trong suốt của OSD): Điều chỉnh độ trong suốt của menu OSD. OSD Lock (Khóa OSD): Khi bật tính năng này, người dùng không thể điều chỉnh OSD. <p>Lưu ý: Để tắt tính năng khóa OSD, hãy bấm phím Control (Điều khiển). Khi thông báo này xuất hiện trên màn hình, hãy chọn Yes (Có) để xác nhận.</p> <div style="text-align: center; background-color: #333; color: white; padding: 10px; margin-top: 10px;"> <p>The button is locked confirm to unlock OSD</p> <p>No Yes</p> </div>

Tính năng	Mô tả
<p>Quick Switch (Công tắc nhanh)</p>	<p>Gán chức năng của các phím tắt.</p> <p>Các lựa chọn có sẵn: Aim Stabilizer (Giảm mờ Chuyển động), Black Equalizer (Tăng sáng), Low Blue Light (Ánh sáng xanh thấp), Volume (Âm lượng), Input (Đầu vào), Contrast (Tương phản), Brightness (Độ sáng), và Picture Mode (Chế độ Ảnh).</p> <p>Thiết lập mặc định của các phím tắt như sau:</p> <p>D Lên (↶): Black Equalizer (Tăng sáng)</p> <p>D Xuống (↷): Picture Mode (Chế độ Ảnh)</p> <p>D Phải (↷): Input (Đầu vào)</p> <p>D Trái (↶): Volume (Âm lượng)</p>
<p>Other Settings (Các thiết lập khác)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Resolution Notice (Thông báo Độ phân giải): Khi bật tính năng này, thông báo độ phân giải được đề xuất sẽ xuất hiện trên màn hình khi màn hình chuyển sang một nguồn đầu vào khác. • Input Auto Switch (Chuyển đổi Tự động Đầu vào): Khi được bật, tính năng này sẽ tự động chuyển sang một nguồn đầu vào khả dụng. • Auto Power OFF (TẮT nguồn tự động): Khi tính năng này được bật, màn hình sẽ tự động tắt sau một khoảng thời gian nhất định. • DisplayPort Ver. (Phiên bản DisplayPort): Thiết lập phiên bản DisplayPort sang 1.1, 1.2 hoặc 1.4+HDR. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Để bật hiệu ứng HDR cho cổng DP, bạn có thể cần thiết lập phiên bản này sang DP1.2 và kích hoạt đầu ra màu 8 bit trong card đồ họa. • Đảm bảo rằng bạn cấu hình tùy chọn này dựa trên phiên bản DisplayPort được thẻ đồ họa hỗ trợ. • Không thể đặt phiên bản DisplayPort sang 1.1 khi kích hoạt chức năng FreeSync Premium.

Language (Ngôn ngữ)

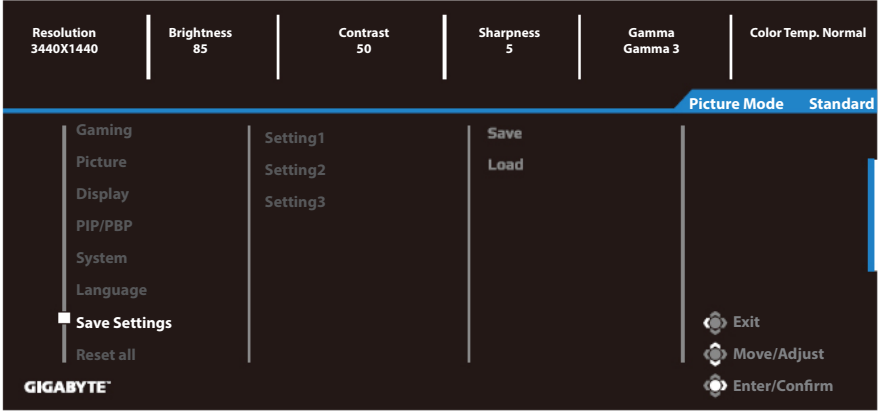
Cài đặt liên quan đến ngôn ngữ



Tính năng	Mô tả
Language (Ngôn ngữ)	Chọn một ngôn ngữ có sẵn cho menu OSD.

Save Settings (Lưu các thiết lập)

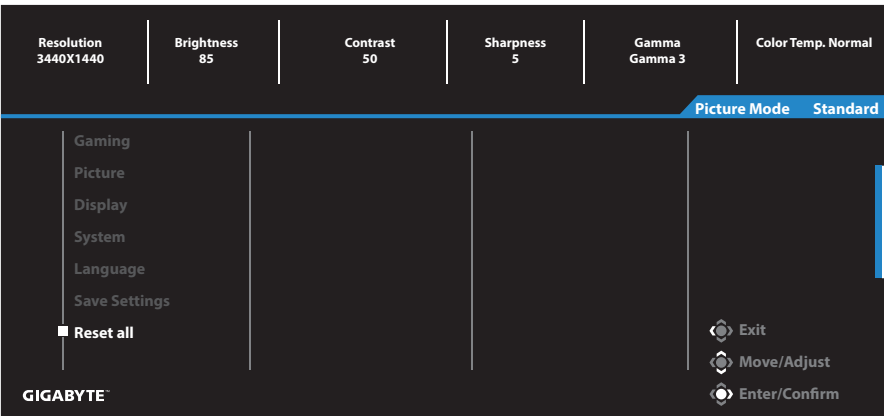
Thiết lập các cấu hình OSD được cá nhân hóa cho Setting1 (Thiết lập 1), Setting2 (Thiết lập 2), hoặc Setting3 (Thiết lập 3).



Tính năng	Mô tả
Save (Lưu)	Lưu các thiết lập tùy chỉnh.
Load (Tải)	Tải các thiết lập đã lưu.

Tái thiết lập Toàn bộ

Khôi phục màn hình về thiết lập mặc định của nhà sản xuất.



PHỤ LỤC

Thông số kỹ thuật

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Kích cỡ màn hình	34 inch
Tỉ lệ khung hình	21:9
Độ phân giải	3440 x 1440
Tốc độ làm mới	144Hz
Tuổi thọ Đèn LED	30000 giờ (tối thiểu)
Độ lớn điểm ảnh	0,23175 (Ngang) x 0,23175 (Dọc) (mm)
Brightness (Độ sáng)	350 nit (chuẩn)/320 nit (tối thiểu)
Tỉ lệ tương phản	4000:1 (điểm hình)
Độ sâu màu sắc	16,7M
Khu vực hiển thị hiện hoạt	797,22 (Ngang) x 333,72 (Dọc) (mm)
Góc xem	178°(Ngang)/178°(Đứng)
Tần số	48~144Hz (chế độ chơi game)
Thiết bị đầu vào/đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> • 2 x HDMI 2.0 • 2 x DP1.4 • 1 x cổng tai nghe
Bộ nguồn/Đầu vào	AC100~240V@ 50/60Hz 2A (Tối đa)
Mức tiêu thụ điện	<ul style="list-style-type: none"> • BẬT: 80W (Tối đa) • Chế độ chờ: 0,5W • Chế độ tắt: 0,5W
Kích cỡ (R x C x S):	808,89 x 488,79 x 234,81mm (có giá đỡ)
Trọng lượng	8,378±0,5 kg (Thực)
Điều kiện hoạt động: phạm vi nhiệt độ	0°C - 40°C

Lưu ý: Các thông số trên có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Danh sách Định thời được Hỗ trợ

Danh sách Định thời	HDMI 1	HDMI 2	DP
640x480@60Hz	✓	✓	✓
640x480@75Hz	✓	✓	✓
720x480@60Hz	✓	✓	✓
800x600@60Hz	✓	✓	✓
800x600@75Hz	✓	✓	✓
1024x768@60Hz	✓	✓	✓
1024x768@75Hz	✓	✓	✓
1280x720@60Hz	✓	✓	✓
1280x720@120Hz	✓	✓	✓
1440x900@60Hz	✓	✓	✓
1600x900@60Hz	✓	✓	✓
1680x1050@60Hz	✓	✓	✓
1720x1440@60Hz(PBP)	✓	✓	
1920x1080@60Hz	✓	✓	✓
1920x1080@120Hz	✓	✓	✓
2560x1440@120Hz	✓	✓	✓
3440x1440@50Hz	✓		
3440x1440@60Hz	✓	✓	✓
3440x1440@100Hz	✓	✓	✓
3840x2160@60Hz	✓	✓	
2560x1440@60Hz		✓	✓
2560x1080@120Hz			✓
2560x1080@144Hz			✓
2560x1440@144Hz			✓
3440x1440@144Hz			✓

Xử lý Sự cố

Sự cố	(Các) Giải pháp khả thi
Không vào điện	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp nguồn được kết nối đúng cách với nguồn điện và màn hình. • Kiểm tra cáp và phích cắm để đảm bảo chúng không bị hỏng. • Đảm bảo rằng bạn đã bật màn hình. • Đảm bảo đèn LEB bộ đổi điện đang sáng.
Không có hình ảnh xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo rằng màn hình và máy tính được kết nối đúng cách và cả hai thiết bị đều đã bật. • Đảm bảo rằng bạn đã chọn đúng nguồn đầu vào. Tham khảo trang 22 hoặc 31. • Điều chỉnh các thiết lập Brightness (Độ sáng) và Contrast (Tương phản). Tham khảo trang 29.
Hình ảnh không phủ đầy toàn bộ màn hình	<ul style="list-style-type: none"> • Thử thiết lập Display Mode (Chế độ Hiển thị) (tỉ lệ khung hình) khác. Tham khảo trang 28.
Màu sắc biến dạng	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo rằng cáp tín hiệu đầu vào được kết nối đúng cách. • Định cấu hình các thiết lập liên quan đến hình ảnh. Tham khảo phần "Ảnh".
Không có âm thanh hoặc âm lượng nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo rằng cáp tai nghe được kết nối đúng cách. • Điều chỉnh mức âm lượng. Tham khảo trang 24 hoặc 33. • Điều chỉnh các thiết lập liên quan đến âm thanh máy tính.

Lưu ý: Nếu các sự cố trên vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với dịch vụ chăm sóc khách hàng của chúng tôi để được hỗ trợ thêm.

Chăm sóc Cơ bản

Khi màn hình bị bẩn, hãy làm như sau để vệ sinh màn hình:

- Lau màn hình bằng miếng vải mềm, không có bụi xơ để lau sạch bụi bẩn bám trên màn hình.
- Xịt hoặc bôi dung dịch tẩy rửa lên một miếng vải mềm. Sau đó dùng miếng vải ẩm để nhẹ nhàng lau màn hình.

Lưu ý:

- Đảm bảo rằng miếng vải ẩm chứ không ướt.
- Khi lau, tránh tạo áp lực quá lớn lên màn hình.
- Chất tẩy rửa có chứa axit hoặc có tính ăn mòn có thể làm hỏng màn hình.

Thông tin Dịch vụ GIGABYTE

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web chính thức của GIGABYTE: <https://www.gigabyte.com/>